

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	603(87.9%)	167(93.3%)	152(81.3%)	129(80.6%)	155(96.9%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	78(11.4%)	11(6.1%)	33(17.6%)	30(18.8%)	4(2.5%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	5(0.7%)	1(0.6)	2(1.1%)	1(0.6%)	1(0.6%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0%	0%	0%	0%
II	Số học sinh chia theo học lực					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	277(40.4%)	93(52%)	62(33.2%)	54(33.8%)	68(42.5%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	245(35.7%)	58(32.4%)	74(39.6%)	59(36.9%)	54(33.8%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	146(21.3%)	24(13.4%)	43(23%)	41(25.6%)	38(23.8%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	18(2.6%)	4(2.2%)	8(4.3%)	6(3.8%)	0(0%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	672(98%)	175(97.8%)	183(97.9%)	154 (96.3%)	160(100%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	277(40.4%)	93(52%)	62(33.2%)	54(33.8%)	68(42.5%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	245(35.7%)	58(32.4%)	74(39.6%)	59(36.9%)	54(33.8%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	18(2.6%)	4(0.6%)	8(1.2%)	6(0.9%)	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	14(2.04%)	4(0.6%)	4(0.6%)	6(0.9%)	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	16	8	4	1	3
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

6	Đã học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	42	4	6	10	22
2	Cấp tỉnh/thành phố	14			2	12
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	160	0	0	0	160
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	160	0	0	0	160(100%)
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	68(42.5%)	0	0	0	68(42.5%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	54(33.8 %)	0	0	0	54(33.8 %)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	38(23.7%)	0	0	0	38(23.7%)
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	344/342	101/78	90/97	83/77	70/90
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	58	14	13	14	17

Quận 3, ngày 31 tháng 5 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG